



# Dành cho các nạn nhân của nạn bạo hành do chồng hoặc bạn trai gây ra

夫やパートナーからの暴力に悩むあなたへ

## Bạo hành gia đình từ người chồng cũng là một dạng “phạm tội”

夫からの暴力も、“犯罪”です

Hiện tại, bạn có đang buồn phiền do bị chồng bạo hành và cố gắng tự mình giải quyết vì cho rằng đó là “chuyện nội bộ gia đình” hay không? Bất kể đó là bạo hành về thân thể, hay bạo hành về mặt tinh thần, thì hành vi bạo lực đối với người vợ cũng là một hành vi vi phạm nhân quyền nghiêm trọng có thể cấu thành tội phạm.

現在、夫から暴力を受けて悩んでいるあなた、「家庭内の問題」だからと自分だけで解決しようとしていませんか？ 身体的暴力であれ、精神的暴力であれ、妻への暴力は、犯罪にもなりうる重大な人権侵害です。

## Ở Nhật Bản, bạn sẽ được pháp luật bảo vệ

日本には、あなたを保護する法律があります

Ở Nhật, có Luật bảo vệ các nạn nhân bị bạo hành bởi chồng (hoặc vợ). Luật này được áp dụng với toàn bộ người nước ngoài đang sinh sống tại Nhật bất kể người đó có tư cách lưu trú hay không. Đối tượng áp dụng không chỉ là vợ/chồng đã kết hôn mà cả với vợ/chồng cũ hoặc nam/nữ chưa kết hôn nhưng chung sống như vợ/chồng (hôn nhân không chính thức).

日本には、配偶者の暴力に苦しむ被害者を保護する法律があります。この法律は、在留資格の有無を問わず、日本にいる全ての外国人にも適用されます。結婚している相手だけではなく、元配偶者や事実婚等の相手も対象になります。

---

## Đừng đổ lỗi cho bản thân!

あなたは悪くない

Bạo hành gia đình không phải là việc bất hạnh xảy ra tình cờ đối với một phụ nữ không may mắn. Bị bạo hành xảy ra do tư tưởng “trọng nam kinh nữ” trong xã hội do có sự chênh lệch về khả năng kinh tế giữa nam và nữ, khoảng cách địa vị xã hội, thái độ phân biệt đối xử, không coi phụ nữ là đối tác bình đẳng, và tư tưởng nhân nhượng, xem nhẹ việc người chồng bạo hành vợ đã ăn sâu vào tiềm thức xã hội. Đừng tự một mình gánh hết trách nhiệm kiểu “Người có lỗi là tôi!” về những gì đang xảy ra. Chính những kẻ gây ra bạo lực mới là người có lỗi chứ không phải bạn. Bạn tuyệt đối không phải là người phải chịu bạo hành gia đình.

「夫からの暴力」は、運の悪い女性の身に偶然起きた不幸な出来事ではありません。男女の経済力の格差や社会的地位の差など「男性優位」の社会構造、女性を対等なパートナーとみない女性差別の意識、また夫が妻に暴力をふるうことについての寛容な考え方などが社会の根底にあることによって起こります。「悪いのは私…」と、一人で背負い込まないでください。暴力はふるうほうが悪いのです。暴力を受けるあなたに非はないのです。

---

## Đừng chịu đựng một mình, trước hết hãy trao đổi với chúng tôi!

一人で悩まないで、まず相談を

Chúng tôi luôn có các tổ chức tư vấn sẵn sàng tiếp nhận và lắng nghe trần trở của bạn. Mặc dù bạn cần phải có sự dũng cảm để nói về những bạo hành trong gia đình mình, nhưng hãy vì bản thân và các con của bạn, đừng ngần ngại trao đổi với chúng tôi. (Xin vui lòng xem danh sách các tổ chức tư vấn ở mặt sau.)

あなたの悩みを受け止めてくれる相談窓口があります。家庭内の暴力を表に出すことは勇気のいることですが、ご自分とお子さんたちのために、まずは相談してみてください。(裏面の相談窓口をご覧ください)

## Thể nào là “Bạo hành do chồng hoặc bạn trai gây ra”?

「夫やパートナーからの暴力」とは？

Có rất nhiều dạng bạo hành gia đình do chồng hoặc bạn trai gây ra và trên nhiều tình huống thực tế chúng có sự liên quan đến nhau. Sau đây là 4 loại bạo hành điển hình do chồng hoặc bạn trai gây ra:

夫やパートナーから受ける暴力には様々な形態があり、実際に起きる場面では複雑に絡み合っています。ここでは、4つの代表的な形態を示します。

### Bạo hành về thân thể:

身体的暴力

Đấm, đá, xô đẩy, bóp cổ, ném các đồ vật, túm tóc, dùng dao dọa dẫm, xô ngã xuống cầu thang, túm cổ áo, gí tàn thuốc vào người.

殴る／蹴る／投げ飛ばす／首を絞める／物を投げつける／髪をひっぱる／ナイフを突き付ける／階段から落とす／胸ぐらをつかむ／タバコの火を押しつける

### Bạo hành về tinh thần và bạo hành mang tính xã hội

精神的暴力・社会的暴力

Lãng mạ, đe dọa, nghi ngờ ngoại tình/ không chung thủy giám sát mọi hành động, đuổi ra khỏi nhà, vứt và làm hư hỏng đồ đạc quan trọng, xúc phạm trước mặt người khác.

暴言をはく／脅かす／浮気・不貞を疑う／行動を監視する／家から締め出す／大事なものを壊す・捨てる／他人の前で侮辱する

### Bạo hành về tình dục:

性的暴力

Ép quan hệ tình dục, không hợp tác sử dụng các biện pháp tránh thai, bắt xem các loại văn hóa phẩm đồi trụy và đối xử như công cụ tình dục.

望まないのに性行為を強要する／避妊に協力しない／ポルノを見せたり、女性を道具のようにあつかう

### Bạo hành về kinh tế:

経済的暴力

Không chi trả chi phí sinh hoạt, ngăn cản người phụ nữ ra ngoài kiếm tiền

生活費を負担しない／女性が外で働き収入を得ることを妨害する

# Các tổ chức tư vấn về Bạo hành do Chồng hoặc Bạn trai gây ra

夫やパートナーからの暴力についての相談窓口

Tư vấn bằng các thứ tiếng nước ngoài: 外国語で相談できる窓口		
<p><b>Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc – tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Việt</b></p> <p>英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、タガログ語、タイ語、ベトナム語</p>	<p><b>Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ chống bạo hành gia đình / Dịch vụ Tư vấn bằng đa ngôn ngữ (dành cho phụ nữ)</b></p> <p>県配偶者暴力相談支援センター / 多言語による相談窓口(女性向け)</p>	
<p>Từ thứ 2 đến thứ 7 月曜～土曜</p>	<p>10:00-17:00 (Bạn cần hẹn trước nếu cần tư vấn trực tiếp. 面接相談は要予約)</p>	<p><b>☎ 090-8002-2949</b></p>
<p><b>Tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc – tiếng Triều Tiên, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tagalog, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Nepal</b></p> <p>※ <b>Việc tư vấn đa ngôn ngữ chỉ được thực hiện qua chat</b></p> <p>英語、中国語、韓国・朝鮮語、スペイン語、ポルトガル語、タガログ語、タイ語、ベトナム語、インドネシア語、ネパール語 ※多言語相談はチャットのみ</p>	<p><b>Đường dây nóng bổ sung tư vấn về bạo lực gia đình (Văn phòng nội các)</b></p> <p>内閣府 / DV相談+ (プラス)</p>	
<p>Tiếp nhận 24/7 24時間</p>	<p><b>☎ 0120-279-889</b></p> <p>Có thể tư vấn qua email hoặc qua chat メール、チャットでの相談も可能</p>	

日本語による相談窓口		
<p>県配偶者暴力相談支援センター 女性のためのDV相談窓口 ※面接相談は要予約</p>	<p><b>☎ 0466-26-5550</b></p>	<p>月曜～金曜 (祝日を除く) 9:00-21:00</p> <hr/> <p>土曜・日曜 (祝日を除く) 9:00-17:00</p>
<p>県配偶者暴力相談支援センター 女性への暴力相談 「週末ホットライン」</p>	<p><b>☎ 045-451-0740</b></p>	<p>土曜・日曜 (祝日を除く) 17:00-21:00</p> <hr/> <p>祝日 9:00-21:00</p>
<p>横浜市DV相談支援センター (電話相談窓口)</p>	<p><b>☎ 045-671-4275</b></p>	<p>月曜～金曜 (祝日を除く) 9:30-16:30</p>
	<p><b>☎ 045-865-2040</b></p>	<p>月曜～金曜 (第4木曜を除く) 9:30-20:00</p> <hr/> <p>土曜・日曜・祝日 (第4木曜を除く) 9:30-16:00</p>
<p>川崎市DV相談支援センター (電話相談窓口)</p>	<p><b>☎ 044-200-0845</b></p>	<p>月曜～金曜 (祝日を除く) 9:30-16:30</p>
<p>相模原市DV相談支援センター (電話相談窓口)</p>	<p><b>☎ 042-772-5990</b></p>	<p>毎日 (第4月曜を除く) 10:00-17:00 火曜・木曜は 18:00 まで</p>

- Tất cả các tổ chức tư vấn đều đóng cửa vào ngày đầu năm và ngày cuối năm.  
すべての窓口は、年末年始は休みです。
- Bạn có thể yêu cầu hỗ trợ từ phía cảnh sát hoặc chính quyền địa phương nơi bạn đang sinh sống.  
お住まいの地区の役所や警察署に相談することもできます。